

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C, TỈNH T**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2020/HS-ST

Ngày: 12/6/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH T**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Nguyễn Kim Ngọc Giàu**.
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
 - + Ông **Nguyễn Văn Tám**
 - + Ông **Quách Trung Sơn**
- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Nguyễn Trường An** - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh T.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh T tham gia phiên tòa:* Ông **Đinh Văn Thông** - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 25/2020/TLST-HS ngày 03 tháng 4 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2020/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 4 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 11/2020/HSST-QĐ ngày 14 tháng 5 năm 2020 đối với:

*** Bị cáo:**

- Nguyễn Huỳnh Thế D (H, M)**, sinh năm 1990, tại T.
- *Cư trú:* Ấp K, xã H, huyện C, tỉnh T.
 - *Nghề nghiệp:* Không.
 - *Trình độ văn hoá:* 06/12.
 - *Dân tộc:* Kinh; *Tôn giáo:* Không; *Quốc tịch:* Việt Nam.
 - Con ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1960 và bà Huỳnh Thị Ngân L, sinh năm 1962.
 - Bị cáo chưa có vợ con.

- Tiền án, tiền sự: Không.

- Nhân thân:

+ Ngày 07/8/2006 bị Tòa án nhân dân tỉnh T xử phạt 06 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”, chấp hành xong quyết định thi hành án phạt tù vào ngày 28/02/2007; chấp hành xong bản án vào ngày 18/6/2012.

+ Ngày 07/7/2010 bị Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh T quyết định đưa vào cơ sở chữa bệnh 24 tháng do sử dụng trái phép chất ma túy, chấp hành xong ngày 08/3/2012.

+ Ngày 09/01/2013 bị Ủy ban nhân dân thành phố V, tỉnh V quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 24 tháng do sử dụng trái phép chất ma túy, chấp hành xong ngày 19/12/2014.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 08/12/2019, chuyển tạm giam từ ngày 17/12/2019 cho đến nay.

(*Bị cáo có mặt*).

*** Bị hại:**

1. Anh **Nguyễn Ngọc T**, sinh năm 1980 (*Vắng mặt*).

Địa chỉ: Ấp M, xã T, huyện C, tỉnh T.

2. Anh **Phạm Văn X**, sinh năm 1985 (*Vắng mặt*).

Địa chỉ: Số 207/5, ấp H, xã V, huyện L, tỉnh Đ.

3. Anh **Ngô Thiện Duy**, sinh năm 1996 (*Vắng mặt*).

Địa chỉ: Ấp 2, xã A, huyện C, tỉnh T.

4. Anh **Nguyễn Minh T**, sinh năm 2004 (*Vắng mặt*).

Địa chỉ: Ấp L, xã T, huyện T, tỉnh Đ.

Đại diện hợp pháp của Nguyễn Minh T: Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1986 (*Vắng mặt*).

Địa chỉ: Ấp L, xã T, huyện T, tỉnh Đ.

5. Anh **Nguyễn Ngọc H**, sinh năm 1994 (*Vắng mặt*).

Địa chỉ: Thôn T, xã N, thị xã A, tỉnh B.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông **Hà Văn M**, sinh năm 1964 (*Vắng mặt*).

Địa chỉ: Số 36/2, Khóm 3, Phường 9, thành phố V, tỉnh V.

2. Chị **Lê Thị Mộng T**, sinh năm 1982 (*Vắng mặt*).

Địa chỉ: Số B25, Khóm 3, Phường 9, thành phố V, tỉnh V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Huỳnh Thế D là đối tượng sử dụng ma túy, trong khoảng thời gian từ ngày 27/10/2018 đến ngày 05/12/2019 Nguyễn Huỳnh Thế D đã thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện Cái Bè, cụ thể như sau:

Vụ thứ 01:

Sau khi có sử dụng ma túy, khoảng 06 giờ ngày 27/10/2018 Nguyễn Huỳnh Thế D đi bộ trên đường đàng nông thôn ngang nhà anh Nguyễn Ngọc T, D nhìn thấy 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J1 màu vàng của anh T đang để trên bàn tròn gỗ bên hành lang nhà, không người trông giữ nên D đi vào nhà trộm cắp điện thoại di động Samsung J1 bỏ vào túi quần rồi tiếp tục đi bộ hướng Quốc lộ 1.

Đến khoảng 09 giờ cùng ngày 27/10/2018, khi D đi đến tiệm rửa xe “*Xuân*” của anh Phạm Văn X lúc này anh X cùng anh Nguyễn Minh T và anh Ngô Thiện D đang rửa xe tải, D đi vào bên trong tiệm cách nơi rửa xe khoảng 10m tìm tài sản trộm cắp. D nhìn thấy 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1010 màu đen của anh X, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 5 màu đen của anh T và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mobiistar X màu vàng đồng của anh Thiện D đang để trên đầu tủ lạnh, D liền đến trộm cắp 03 điện thoại bỏ vào túi quần rồi đi ra ngoài thì bị người khách đợi rửa xe (*không rõ họ tên và địa chỉ*) phát hiện nên D lấy trong túi quần ra trả lại điện thoại Nokia 1010 màu đen và điện thoại Mobiistar X màu vàng đồng cho người khách đợi rửa xe, còn lại trong túi của D điện thoại Nokia 5 màu đen rồi bỏ đi. Sau khi phát hiện bị mất tài sản, anh T kiểm tra phát hiện còn bị mất 01 điện thoại Nokia 5 màu đen nên cùng anh Thiện D và anh X đuổi theo, bắt giữ D cùng với điện thoại Nokia 5 màu đen mà D còn đang cất giữ trong người, đồng thời báo Công an xã M, huyện C, tỉnh T giải quyết. Nguyễn Huỳnh Thế D thừa nhận hành vi trộm cắp nên Công an xã M chuyển hồ sơ đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C thụ lý, giải quyết theo thẩm quyền.

Vật chứng thu giữ gồm:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mobiistar X màu vàng đồng;
- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1010 màu đen;
- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 5 màu đen;
- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J1 màu vàng đồng.

Ngoài ra, Cơ quan điều tra còn thu giữ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mobiistar Z1 màu bạc của Nguyễn Huỳnh Thế D.

Ngày 05/11/2019 và ngày 19/12/2019, Cơ quan điều tra đã trao trả các tài sản trên cho chủ sở hữu.

Bản kết luận định giá tài sản số 129/KLĐG-TTHS ngày 02/11/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện C xác định: 01 điện thoại di động Mobiistar X màu vàng đồng trị giá 2.793.000 đồng; 01 điện thoại di động Nokia 1010 màu đen trị giá 160.000 đồng; 01 điện thoại di động Nokia 5 màu đen trị giá 1.337.000 đồng; 01 điện thoại di động Samsung J1 màu vàng đồng trị giá 370.000 đồng. Tổng cộng là 4.660.000 đồng.

Vụ thứ 02:

Khoảng 05 giờ ngày 05/12/2019 Nguyễn Huỳnh Thế D điều khiển xe mô tô biển số 53SC-1041 đi trên Quốc lộ 1 theo hướng M đến T, khi đến khu vực gần cầu B thuộc ấp 1, xã A, huyện C, tỉnh T D nhìn thấy có xe ô tô tải biển số 51D-18701 đang đậu trên làn đường trong cùng, tài xế xe ô tô tải biển số 51D-18701 là anh Nguyễn Ngọc H đang bận che chắn hàng hóa trên thùng xe phía sau. D liền dừng xe mô tô lại cách xe ô tô tải biển số 51D-18701 khoảng 02m rồi đến cabin xe phía trước, mở cửa bên trái rồi lấy trộm 01 điện thoại di động hiệu Apple loại Iphone 6, 32GB đang để trên thùng nhựa và 01 bóp da nam để trên ghế sau xe, bên trong bóp da có 01 thẻ ATM ngân hàng Agribank, 01 thẻ ATM ngân hàng Vietcombank, 01 thẻ ATM ngân hàng BIDV (*tất cả đều mang tên Nguyễn Ngọc H*), 01 giấy phép lái xe ô tô hạng C số No 640169002233 tên Nguyễn Ngọc H, 01 giấy chứng minh nhân dân số 215290341 cấp ngày 12/10/2015 tên Nguyễn Ngọc H và 276.000 đồng. Sau đó, D điều khiển xe mô tô biển số 53SC-1041 chạy về hướng M. Anh H phát hiện bị mất trộm tài sản nên mượn điện thoại của một người bán nước giải khát gần đó (*không rõ họ tên và địa chỉ*) gọi vào số điện thoại 0939426979 của anh H gặp D xin chuộc lại tài sản bị mất trộm và được D đồng ý. Sau đó, D

bán điện thoại di động hiệu Apple loại Iphone 6, 32GB cho cửa hàng điện thoại di động V do chị Lê Thị Mộng T với giá 200.000 đồng. Đến ngày 07/12/2019 anh H đến trình báo Công an huyện C, khoảng 18 giờ 30 phút ngày 07/12/2019, D hẹn gặp anh H tại bến xe V ở Phường 8, thành phố V, tỉnh V để đưa tài sản cho anh H thì bị lực lượng Công an mời đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C làm việc, tại đây D đã thừa nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản của anh Hải.

Vật chứng trong vụ án gồm:

- 01 điện thoại di động hiệu Apple loại Iphone 6, 32GB;
- 01 bóp da nam;
- 01 thẻ ATM của ngân hàng Agribank tên Nguyễn Ngọc H;
- 01 thẻ ATM của ngân hàng Vietcombank tên Nguyễn Ngọc H;
- 01 thẻ ATM của ngân hàng BIDV tên Nguyễn Ngọc H;
- 01 giấy phép lái xe ô tô hạng C số No 640169002233 tên Nguyễn Ngọc H;
- 01 giấy chứng minh nhân dân số 215290341 cấp ngày 12/10/2015 tên Nguyễn Ngọc H;
- 01 sim điện thoại di động mạng Mobiphone 4G;
- Số tiền 5.000.000 đồng;
- 01 xe mô tô biển số 53SC-1041.

Ngày 10/12/2019, Cơ quan điều tra trao trả cho anh Nguyễn Ngọc H 01 bóp da nam, 01 thẻ ATM của ngân hàng Agribank, 01 thẻ ATM của ngân hàng Vietcombank, 01 thẻ ATM của ngân hàng BIDV (*tất cả đều mang tên Nguyễn Ngọc H*), 01 giấy phép lái xe ô tô hạng C số No 640169002233 tên Nguyễn Ngọc H, 01 giấy chứng minh nhân dân số 215290341 cấp ngày 12/10/2015 tên Nguyễn Ngọc H, 01 sim điện thoại di động mạng Mobiphone 4G và số tiền 5.000.000 đồng. Ngày 21/12/2019 Cơ quan điều tra trao trả cho anh Nguyễn Ngọc H 01 điện thoại di động hiệu Apple loại Iphone 6, 32GB.

Theo bản kết luận định giá tài sản số 180/KLĐG-TTHS ngày 08/12/2019 và Công văn số 06/CV-HĐĐG ngày 13/12/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự - Ủy ban nhân dân huyện C xác định: 01 bóp da màu đen loại da cá sấu không nhãn hiệu trị giá 1.260.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu Apple loại Iphone 6, 32GB trị giá 3.200.000 đồng.

Quá trình điều tra anh Nguyễn Ngọc H khai bị mất trộm số tiền 4.500.000 đồng. Tuy nhiên, Nguyễn Huỳnh Thế D khai nhận chỉ lấy trộm số tiền 276.000 đồng, Cơ quan điều tra cũng không có căn cứ khác chứng minh nên chỉ đủ căn cứ quy kết D chiếm đoạt của anh H số tiền là 276.000 đồng với các tài sản khác với tổng giá trị là 4.736.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số: 31/CT-VKSCB ngày 03/4/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh T truy tố bị cáo **Nguyễn Huỳnh Thế D** về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh T giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo: Từ 02 năm đến 03 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại Ngô Thiện D, Phạm Văn X, Nguyễn Minh T, Nguyễn Ngọc T và Nguyễn Ngọc H đã nhận lại được tài sản bị mất trộm và không yêu cầu gì khác nên không đặt ra xem xét giải quyết

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

Đối với các vật chứng đã trao trả lại cho các bị hại không đề nghị Hội đồng xét xử đặt ra xem xét giải quyết.

Đối với 01 con dao (dạng dao rọc giấy) chiều dài khoảng 20 cm, cán dao bằng nhựa màu vàng, lưỡi bằng kim loại bị cáo xác định nhặt được trước khi vào trộm cắp tài sản, đã giục mất trong lúc bị truy đuổi và Cơ quan điều tra đã tìm kiếm nhưng không thấy nên không đề nghị Hội đồng xét xử đặt ra xem xét giải quyết.

Đối với 01 xe mô tô biển số 53SC-1041 là công cụ bị cáo sử dụng trong việc trộm cắp tài sản nên đề nghị tịch thu sung quỹ nhà nước.

- Bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như cáo trạng Viện kiểm sát đã nêu. Bị cáo thống nhất với quan điểm luận tội của Đại diện Viện kiểm sát, bị cáo không có ý kiến tranh luận gì. Xin Hội đồng xét xử xem xét

giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và người tham gia tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện C, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, phù hợp với các quy định của pháp luật.

Đối với các bị hại Nguyễn Ngọc T; Phạm Văn X; Ngô Thiện D; Nguyễn Minh T; Nguyễn Ngọc H và đại diện hợp pháp của bị hại T và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy quá trình điều tra đã có lời khai đầy đủ của các bị hại, đại diện hợp pháp theo pháp luật của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nên sự vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử. Căn cứ vào Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử, chủ tọa phiên tòa công bố lời khai trong quá trình điều tra của những người vắng mặt.

[2] Về hành vi của bị cáo bị truy tố:

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội trong khoảng thời gian từ ngày 27 tháng 10 năm 2018 đến ngày 05 tháng 12 năm 2019 trên địa bàn ấp M, xã T; ấp M, xã M và ấp 1, xã A, huyện C, tỉnh T, bị cáo có hành vi trộm cắp của anh Nguyễn Ngọc T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J1 màu vàng; trộm cắp của anh Phạm Văn X 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1010 màu đen; trộm cắp của anh Nguyễn Minh T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 5 màu đen; trộm cắp của anh Ngô Thiện D 01 điện thoại di động nhãn hiệu

Mobiistar X màu vàng đồng. Và trộm cắp của anh Nguyễn Ngọc H 01 điện thoại di động hiệu Apple loại Iphone 6; 01 bóp da nam; 01 thẻ ATM ngân hàng Agribank, 01 thẻ ATM ngân hàng Vietcombank, 01 thẻ ATM ngân hàng BIDV (*tất cả đều mang tên Nguyễn Ngọc H*), 01 giấy phép lái xe ô tô tên Nguyễn Ngọc H, 01 giấy chứng minh nhân dân tên Nguyễn Ngọc H và số tiền 276.000 đồng.

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với hiện trường, lời khai người bị hại và các tài liệu chứng cứ khác cơ quan điều tra thu thập được.

Bị cáo xác định do nghiện ma túy cần có tiền tiêu xài, bị cáo đã lợi dụng sơ hở của chủ tài sản, lén lút thực hiện hành vi trộm cắp tài sản.

Mặc dù, sau khi trộm cắp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1010 màu đen; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 5 màu đen; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mobiistar X màu vàng đồng. Khi bị cáo bị phát hiện có trả lại 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1010 màu đen; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mobiistar X màu vàng đồng nhưng bị cáo không thực hiện được hành vi phạm tội đến cùng là ngoài ý muốn chủ quan của bị cáo nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự đối với giá trị điện thoại di động Nokia 1010 màu đen và điện thoại di động Mobiistar X màu vàng đồng;

Theo Bản kết luận định giá tài sản số 129/KLĐG-TTHS ngày 02/11/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C xác định: 01 điện thoại di động Mobiistar X màu vàng đồng trị giá 2.793.000 đồng; 01 điện thoại di động Nokia 1010 màu đen trị giá 160.000 đồng; 01 điện thoại di động Nokia 5 màu đen trị giá 1.337.000 đồng; 01 điện thoại di động Samsung J1 màu vàng đồng trị giá 370.000 đồng. Tổng cộng là 4.660.000 đồng. Và theo bản kết luận định giá tài sản số 180/KLĐG-TTHS ngày 08/12/2019 và Công văn số 06/CV-HĐĐG ngày 13/12/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự - Ủy ban nhân dân huyện C xác định: 01 bóp da màu đen loại da cá sấu không nhãn hiệu trị giá 1.260.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu Apple loại Iphone 6, 32GB trị giá 3.200.000 đồng. Tổng giá trị tài sản mà bị cáo chiếm đoạt là 9.396.000 đồng. Hành vi phạm tội của bị cáo đã hoàn thành và được thực hiện bằng lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội: “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Vì vậy, khẳng định Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh T truy tố bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ

luật hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật, bị cáo không bị oan sai.

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo nhận thức được hành vi lấy trộm tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện nhằm mục đích chiếm đoạt bằng được tài sản của người khác để có tiền mua ma túy sử dụng và tiêu xài cá nhân. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội một cách liều lĩnh và thực hiện hành vi một cách liên tục. Hành vi của bị cáo gây lo ngại trong nhân dân, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự. Vì vậy cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm theo quy định pháp luật, nhằm giáo dục cải tạo riêng đối với bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[3] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017.

Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội liên tục nên bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017.

Ý kiến luận tội của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về tội danh, điều khoản truy tố, mức hình phạt và tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo là có căn cứ, phù hợp với pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Các bị hại Nguyễn Ngọc T; Phạm Văn X; Ngô Thiện D; Nguyễn Ngọc H; Nguyễn Minh T và đại diện hợp pháp của bị hại T đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Ông Hà Văn M không yêu cầu bị cáo trả lại tiền mà ông đã bỏ ra mua xe của bị cáo. Đồng thời chị Lê Thị Mộng T không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền mà chị đã mua điện thoại của bị cáo nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét

giải quyết.

[5] Về vật chứng:

Đối với các vật chứng trao trả lại cho các bị hại đã xử lý phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Đối với 01 con dao (dạng dao rọc giấy) chiều dài khoảng 20 cm, cán dao bằng nhựa màu vàng, lưỡi bằng kim loại bị cáo xác định nhặt được trước khi vào trộm cắp tài sản, đã giục mất trong lúc bị truy đuổi và Cơ quan điều tra đã tìm kiếm nhưng không tìm thấy nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Đối với 01 xe mô tô biển số 53SC-1041 là phương tiện bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu sung quỹ nhà nước.

[6] Các vấn đề khác:

Ngoài ra trong quá trình điều tra còn thể hiện anh Nguyễn Ngọc H đã nhiều lần điện thoại liên hệ với bị cáo để xin chuộc lại các tài sản bị mất trộm như: 01 bóp da nam, 01 thẻ ATM của ngân hàng Agribank, 01 thẻ ATM của ngân hàng Vietcombank, 01 thẻ ATM của ngân hàng BIDV, 01 giấy phép lái xe ô tô hạng C số No 640169002233 tên Nguyễn Ngọc H, 01 giấy chứng minh nhân dân số 215290341 cấp ngày 12/10/2015 tên Nguyễn Ngọc H và được D đồng ý. Tuy nhiên, việc thỏa thuận này là do anh H chủ động nhằm mục đích lấy lại tài sản bị trộm cắp và bị cáo không có hành động uy hiếp tinh thần của anh H nên Cơ quan điều tra không đủ căn cứ quy kết trách nhiệm hình sự đối với bị cáo về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*” theo quy định tại Điều 170 Bộ luật hình sự.

Đối với chị Lê Thị Mộng T là người mua điện thoại di động hiệu Apple loại Iphone 6, 32GB, tuy nhiên chị T không biết điện thoại do bị cáo trộm cắp mà có. Và ông Hà Văn M khi mua xe không biết xe bị cáo bán cho ông đã sử dụng vào việc trộm cắp tài sản nên Cơ quan điều tra không xử lý đối với chị T; ông M.

[7] Về án phí:

Theo quy định tại Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị định số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung 2017.

- Điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung 2017.

- Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị định số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Huỳnh Thế D phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”.

- Xử phạt bị cáo 02 (hai) năm tù.

Thời gian chấp hành án phạt tù được tính từ ngày tạm giữ bị cáo là ngày 08/12/2019.

3. Về vật chứng:

Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 xe mô tô biển số 53SC-1041 (*Theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 03 tháng 4 năm 2020 giữa Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện C và Chi Cục Thi hành án dân sự huyện C*).

4. Về án phí:

Bị cáo Nguyễn Huỳnh Thế D phải chịu 200.000 (*hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (*ngày 12/6/2020*). Riêng đối với các bị hại và đại diện theo pháp luật của bị hại T và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công

khai theo quy định pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh T xét xử phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện C;
- VKSND tỉnh T;
- TAND tỉnh T;
- Công an huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán – Chủ Tọa Phiên Tòa

NGUYỄN KIM NGỌC GIÀU

